

PHỤ LỤC I

DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHUYÊN NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG BẮT BUỘC PHẢI CHỨNG NHẬN HỢP QUY VÀ CÔNG BỐ HỢP QUY

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTTTT ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

S T T	Tên sản phẩm, hàng hóa	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng	Mã số HS theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC	Mô tả sản phẩm, hàng hóa
1	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện có băng tần nằm trong khoảng 9 kHz đến 400 GHz			
1.1	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện dùng trong các nghiệp vụ thông tin vô tuyến cố định hoặc di động mặt đất			
1.1.1	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất ^(a)	QCVN 117:2020/BTTTT QCVN 86:2019/BTTTT (*) QCVN 101:2020/BTTTT (*)	8517.13.00 8517.14.00	Máy điện thoại di động mặt đất sử dụng công nghệ E-UTRA FDD (4G) và có thể tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau: - Đầu cuối thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Đầu cuối thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.

			8517.62.59	<p>Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu), tích hợp/sử dụng một hoặc nhiều công nghệ; E-UTRA FDD (4G); W-CDMA FDD (3G); GSM (2G và 2,5G)^(d);</p> <p>và có thể tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.
1. 1. 2	Thiết bị đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) ^(a) (e)	QCVN 127:2021/BTTTT và QCVN 129:2021/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT ^(*) QCVN 101:2020/BTTTT ^(*)	8517.13.00	<p>Máy điện thoại di động mặt đất sử dụng công nghệ thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.
			8517.14.00	
			8517.62.59	<p>Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất không phải máy điện thoại di động (thiết bị truyền dẫn kết hợp với thiết bị thu), sử dụng công nghệ thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.

1. 1. 3	Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM	QCVN 41:2016/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT(*)	8517.61.00	<p>Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ GSM (2G và 2,5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA FDD (4G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).
1. 1. 4	Thiết bị trạm gốc thông tin di động W- CDMA FDD	QCVN 16:2018/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT(*)	8517.61.00	<p>Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ W-CDMA FDD (3G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA FDD (4G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).
1. 1. 5	Thiết bị trạm gốc thông tin di động E- UTRA FDD	QCVN 110:2017/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT (*)	8517.61.00	<p>Thiết bị trạm gốc trong mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ E-UTRA FDD (4G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).

1. 1. 6	Thiết bị trạm gốc thông tin di động thế hệ thứ năm (5G)	QCVN 128:2021/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT(*)	8517.61.00	<p>Thiết bị trạm gốc của mạng thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiết bị trạm gốc thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động W-CDMA FDD(3G); - Thiết bị trạm gốc thông tin di động E-UTRA FDD (4G).
1. 1. 7	Thiết bị lặp thông tin di động GSM	QCVN 47:2015/BTTTT (*) QCVN 103:2016/BTTTT (*)	8517.62.59	<p>Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ GSM (2G và 2,5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lặp thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lặp thông tin di động E-UTRA FDD (4G); - Lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).
1. 1. 8	Thiết bị lặp thông tin di động W-CD MA FDD	QCVN 66:2018/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT (*)	8517.62.59	<p>Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ W-CDMA FDD (3G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lặp thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Lặp thông tin di động E-UTRA FDD (4G); - Lặp thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).

1. 1. 9	Thiết bị lập thông tin di động E-UTR A FDD	QCVN 111:2017/BTTTT QCVN 103:2016/BTTTT ^(*)	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động sử dụng công nghệ E-UTRA FDD (4G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lập thông tin di động GSM (2G và 2,5G); - Lập thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lập thông tin di động thế hệ thứ năm (5G).
1. 1. 10	Thiết bị lập thông tin di động thế hệ thứ năm (5G)	QCVN 47:2015/BTTTT ^(**) QCVN 18:2022/BTTTT ^(*)	8517.62.59	Thiết bị có chức năng thu và phát lại tín hiệu của mạng thông tin di động thế hệ thứ năm (5G) có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều các chức năng sau: - Lập thông tin di động GSM (2G và 2,5 G); - Lập thông tin di động W-CDMA FDD (3G); - Lập thông tin di động E-UTRA FDD (4G).
1. 1. 11	Thiết bị vô tuyến mạng diện rộng công suất thấp (LPWAN) (^b)	- Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 920 MHz-923 MHz: + Đối với thiết bị có công suất phát đến 25 mW ERP QCVN 122:2020/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT ^(*) + Đối với thiết bị có công suất phát trên 25 mW ERP đến 306 mW ERP QCVN 47:2015/BTTTT ^(**) QCVN 18:2022/BTTTT ^(*) - Cho thiết bị hoạt động tại băng tần 433,05 MHz - 434,79 MHz có công suất phát đến 100 mW ERP: QCVN 47:2015/BTTTT ^(**) QCVN 18:2022/BTTTT ^(*)	8517.61.00 8517.62.43 8517.62.59 8517.62.69 8517.62.99 8517.69.00 9015.10.90 9025.19.19	Thiết bị trạm gốc, thiết bị truy cập vô tuyến, hoặc thiết bị đầu cuối có chức năng cảm biến, đo lường, ghi nhận và truyền tải các thông số cần đo qua giao diện vô tuyến. Thiết bị cảm biến mức nước, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN. Thiết bị cảm biến nhiệt độ của không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.

			9025.80.00	Thiết bị cảm biến độ ẩm của không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.
			9027.89.90	Thiết bị cảm biến bụi trong không khí, truyền tải các thông số đo lường qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.
			8531.10.30 8531.90.90	Thiết bị đầu báo khói trong hệ thống báo khói, có chức năng phân tích khói trong không khí và truyền tải tín hiệu cảnh báo khói về trung tâm điều khiển hoặc thiết bị cảnh báo khói qua giao diện vô tuyến công nghệ LPWAN.
		- Cho thiết bị đầu cuối IoT băng hẹp E-UTRA: QCVN 131:2022/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (*)	8517.14.00	Thiết bị đầu cuối thông tin di động mặt đất sử dụng công nghệ IoT băng hẹp được thiết kế hoạt động trong các băng tần E-UTRA.
1. 1. 12	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho thoại tương tự ^(a)	QCVN 37:2018/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (*)	8517.14.00	Thiết bị vô tuyến cầm tay có ăng ten liền dùng phương thức điều chế góc trong các nghiệp vụ di động mặt đất, hoạt động trong dải tần số vô tuyến từ 30 MHz đến 1000 MHz với các khoảng cách kênh là 12,5 kHz và 25 kHz, chủ yếu cho thoại tương tự (điện thoại cho mạng không dây, không phải điện thoại thông minh, không phải bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây).

1. 1. 13	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten rời dùng cho thoại tương tự ^(a)	QCVN 43:2011/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (*)		Các thiết bị trong hệ thống điều chế góc sử dụng trong nghiệp vụ di động mặt đất, hoạt động tại các tần số vô tuyến giữa 30 MHz và 1000 MHz, có khoảng cách kênh là 12,5 kHz và 25 kHz dùng cho thoại tương tự (điện thoại cho mạng không dây, không phải điện thoại thông minh, không phải bộ điện thoại hữu tuyến với điện thoại cầm tay không dây), bao gồm:
			8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc (có ăng ten);
			8517.14.00	- Trạm di động (có ăng ten); - Máy cầm tay có ăng ten; hoặc không có ăng ten (thiết bị ăng ten liền) nhưng có đầu nối RF 50 Ω bên trong cố định hoặc tạm thời cho phép kết nối đến cảng ra của máy phát và cổng vào của máy thu.
1. 1. 14	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất có ăng ten liền dùng cho truyền dữ liệu (và thoại) ^(a)	QCVN 44:2018/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT (*)	8517.62.59	Thiết bị vô tuyến di động mặt đất sử dụng điều chế góc có đường bao không đổi, hoạt động ở dải tần số vô tuyến từ 30 MHz đến 1 GHz, với các khoảng cách kênh 12,5 kHz và 25 kHz, bao gồm thiết bị cầm tay vô tuyến số hoặc vô tuyến kết hợp tương tự/số dùng ăng ten liền để truyền số liệu và/hoặc thoại.
1. 1. 15	Thiết bị vô tuyến di động	QCVN 42:2011/BTTTT QCVN 18:2022/BTTTT(*)		Thiết bị vô tuyến số và thiết bị kết hợp tương tự/số có ăng ten rời với mục đích truyền số liệu và/hoặc thoại, bao gồm:

	mặt đất có ăng ten rời dùng cho truyền số liệu (và thoại) ^(a)		8517.61.00	- Thiết bị trạm gốc (có ăng ten được sử dụng ở vị trí cố định);
			8517.62.59	- Trạm di động (có ăng ten thường được sử dụng trên một phương tiện vận tải hoặc như một trạm lưu động) hoặc máy cầm tay với mục đích truyền số liệu và/hoặc thoại.
1. 2	Thiết bị phát, thu-phát sóng vô tuyến điện chuyên dùng cho truyền hình quảng bá, phát thanh quảng bá			
1. 2. 1	Máy phát hình kỹ thuật số DVB-T2	QCVN 77:2013/BTTTT	8525. 50.00	Máy phát dùng cho dịch vụ phát hình mặt đất sử dụng kỹ thuật số theo tiêu chuẩn DVB-T2 với độ rộng băng tần kênh 8 MHz.
1. 2. 2	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều biên (AM)	QCVN 29:2011/BTTTT	8525. 50.00	Thiết bị phát thanh điều biên (AM) sử dụng cho nghiệp vụ phát thanh quảng bá làm việc trong dải tần sóng trung (từ 526,5 kHz đến 1606,5 kHz) và sóng ngắn (từ 3,2 MHz đến 26,1 MHz).
1. 2. 3	Thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM)	QCVN 30:2011/BTTTT	8525. 50.00	Thiết bị phát thanh điều tần (FM) sử dụng cho nghiệp vụ phát thanh quảng bá làm việc trong cả chế độ mono và stereo, dải tần 87 MHz đến 108 MHz.
1. 2. 4	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz	QCVN 70:2013/BTTTT	8525. 50.00	Thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần 54 MHz đến 68 MHz, làm việc ở chế độ mono.
1. 3	Thiết bị Ra đa			

1, 3. 1	Thiết bị Ra đa (trừ thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển và Ra đa thuộc loại thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn)	QCVN 47:2015/BTTTT ^(*) QCVN 18:2022/BTTTT ^(*)	8526.10.10 8526.10.90	Tất cả các loại thiết bị Ra đa dùng trên mặt đất, hoặc trang bị trên máy bay dân dụng, trừ thiết bị Ra đa dùng cho tàu thuyền đi biển và Ra đa thuộc loại thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn.
2	Thiết bị phát, thu-phát vô tuyến cự ly ngắn ^(c)			
2. 1	Thiết bị điện thoại không dây loại kéo dài thuê bao vô tuyến DECT ^(a)	QCVN 47:2015/BTTTT ^(*) QCVN 113:2017/BTTTT ^(*) QCVN 132:2022/BTTTT ^(*)	8517. 11.00	Bộ điện thoại hữu tuyến bao gồm một máy mẹ (Base Station) đi kèm với một hoặc vài máy điện thoại không dây kéo dài bằng sóng vô tuyến điện (máy con) sử dụng công nghệ DECT. Các máy di động cầm tay (máy con) kết nối đến mạng cố định thông qua máy mẹ (Base station), là một máy điện thoại cố định kết nối cuộc gọi đến mạng cố định.
2. 2	Thiết bị phát, thu- phát vô tuyến cự ly ngắn dùng cho mục đích chung	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz: QCVN 55:2011/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT ^(*) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 73:2013/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT ^(*) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz - 40 GHz: QCVN 74:2020/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT ^(*)	8517. 62.59 8517. 62.69	Thiết bị có đầu nối ăng ten ngoài và/hoặc với ăng ten tích hợp, dùng để truyền hoặc nhận tiếng, hình ảnh hoặc dạng dữ liệu khác; kể cả thiết bị sử dụng công nghệ giao tiếp trường gần NFC (Near Field Communication) chủ động. Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II.

		<p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 40 GHz- 246 GHz:</p> <p>QCVN 123:2021/BTTTT</p> <p>QCVN 18:2022/BTTTT^(*)</p>	<p>8517.62.59</p> <p>8526.92.00</p>	<p>Thiết bị cảnh báo vô tuyến điện, thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện, thiết bị truyền dữ liệu chung, hoạt động trong dải tần số từ 40 GHz đến 246 GHz cho các trường hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có kết nối đầu ra vô tuyến với ăng ten riêng hoặc với ăng ten tích hợp; - Sử dụng mọi loại điều chế; - Thiết bị cố định, thiết bị di động và thiết bị cầm tay. <p>Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II.</p>
			<p>8526.10.10</p> <p>8526.10.90</p>	<p>Thiết bị đo từ xa vô tuyến điện (ra đa đo mức cự ly ngắn).</p> <p>Không áp dụng đối với các thiết bị đã nêu tại mục 4.1 Phụ lục II.</p>
2. 3	<p>Thiết bị truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW^(a)</p>	<p>QCVN 54:2020/BTTTT</p> <p>QCVN 112:2017/BTTTT^(*)</p>	<p>8517.62.51</p> <p>8806.21.00</p> <p>8806.22.00</p> <p>8806.23.00</p> <p>8806.24.00</p>	<p>Thiết bị thu-phát sóng WiFi (Modem WiFi, bộ phát WiFi) sử dụng trong mạng nội bộ không dây ở băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến 2483,5 MHz) có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Thu phát vô tuyến cự ly ngắn khác. <p>Fly cam (camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh được gắn trên thiết bị bay) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến 2483,5 MHz) và có công suất bức xạ</p>

			8806.29.00	đăng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	UAV/Drone (phương tiện bay được điều khiển từ xa, có thể tích hợp thiết bị camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 2,4 GHz (băng tần số từ 2400 MHz đến 2483,5 MHz) và có công suất bức xạ đăng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.
2.4	Thiết bị truy nhập vô tuyến băng tần 5 GHz có công suất bức xạ đăng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW trở lên (a)	QCVN 65:2021/BTTTT (****) QCVN 112:2017/BTTTT(*)	8517.62.51	Thiết bị thu-phát sóng WiFi (Modem WiFi, bộ phát WiFi) sử dụng trong mạng nội bộ không dây ở băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến 5350 MHz, 5470 MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) có công suất bức xạ đăng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW, có hoặc không tích hợp một hoặc nhiều chức năng sau: - Truyền dữ liệu băng rộng hoạt động trong băng tần 2,4 GHz; - Đầu cuối thông tin di động mặt đất; - Đầu cuối thông tin di động thế hệ thứ năm (5G); - Thu phát vô tuyến cự ly ngắn khác.
			8806.21.00 8806.22.00 8806.23.00 8806.24.00 8806.29.00	Flycam (camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh được gắn trên thiết bị bay) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến 5350 MHz, 5470 MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) và có công suất bức xạ đăng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.

			8806.21.00	UAV/Drone (phương tiện bay được điều khiển từ xa, có thể tích hợp thiết bị camera truyền hình, camera kỹ thuật số và camera ghi hình ảnh) sử dụng công nghệ điều khiển từ xa, truyền hình ảnh bằng sóng vô tuyến điều chế trải phổ trong băng tần 5 GHz (băng tần số bao gồm 3 dải tần con: 5150 MHz đến 5350 MHz, 5470 MHz đến 5725 MHz và 5725 MHz đến 5850 MHz) và có công suất bức xạ đẳng hướng tương đương (EIRP) từ 60 mW đến 200 mW.
			8806.22.00	
			8806.23.00	
			8806.24.00	
			8806.29.00	
2.5	Thiết bị Ra đa ứng dụng trong giao thông đường bộ hoặc đường sắt	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 24 GHz-24,25 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT ^(*) QCVN 96:2015/BTTTT ^(*)	8526.10.10 8526.10.90	Thiết bị Ra đa cự ly ngắn hoạt động tại dải tần 24 GHz - 24,25 GHz dùng cho các ứng dụng trong thông tin giao thông (đường bộ hoặc đường sắt) như điều khiển hành trình, phát hiện, cảnh báo, tránh va chạm giữa phương tiện giao thông với vật thể xung quanh.
2.6	Thiết bị cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện	- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz: QCVN 55:2011/BTTTT QCVN 96:2015/BTTTT ^(*) - Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz: QCVN 47:2015/BTTTT ^(*) QCVN 96:2015/BTTTT ^(*)	8517.62.69	Thiết bị bao gồm bộ phận cảm biến và hệ thống điều khiển được kết nối với nhau qua giao diện vô tuyến dùng cho mục đích cảnh báo và phát hiện vô tuyến điện

2. 7	Thiết bị điều khiển từ xa vô tuyến điện	<p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz - 25 MHz:</p> <p>QCVN 55:2011/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT (*)</p> <p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz - 1 GHz:</p> <p>QCVN 73:2013/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT (*)</p> <p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz - 40 GHz:</p> <p>QCVN 74:2020/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT (*)</p> <p>- Cho thiết bị không thuộc phạm vi điều chỉnh của QCVN 73:2013/BTTTT, QCVN 74:2020/BTTTT:</p> <p>QCVN 47:2015/BTTTT (**)</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT (*)</p>	8526. 92.00	Thiết bị dùng sóng vô tuyến để điều khiển các mô hình, điều khiển trong công nghiệp và dân dụng.
2. 8	Thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	<p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 9 kHz-25 MHz:</p> <p>QCVN 55:2011/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT(*)</p> <p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 25 MHz -1 GHz:</p> <p>QCVN 73:2013/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT(*)</p> <p>Đối với thiết bị hoạt động ở băng tần 918,4 MHz-923 MHz</p> <p>QCVN 47:2015/BTTTT(**)</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT(*)</p>	8523. 52.00 8523. 59.10	<p>Thiết bị sử dụng sóng vô tuyến để tự động nhận dạng, theo dõi, quản lý hàng hóa, con người, động vật và các ứng dụng khác. Thiết bị có hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến:</p> <p>- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng; chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện.</p> <p>Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 của Danh mục tại Phụ lục II của Thông tư này.</p>

		<p>- Cho thiết bị hoạt động tại dải tần 1 GHz-40 GHz:</p> <p>QCVN 74:2020/BTTTT</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT^(*)</p>	8471.60.90	<p>- Thiết bị thu- phát vô tuyến (RF Reader) để kích hoạt thẻ vô tuyến và nhận thông tin của thẻ, chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.</p> <p>Không bao gồm thiết bị nhận dạng vô tuyến điện (RFID) tại mục 4.2 của Danh mục tại Phụ lục II của Thông tư này.</p>
2.9	Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID)	<p>QCVN 47:2015/BTTTT^(**)</p> <p>QCVN 96:2015/BTTTT^(*)</p>		<p>Thiết bị thu phí giao thông không dừng áp dụng công nghệ nhận dạng vô tuyến điện (RFID) băng tần 920 MHz - 923 MHz công suất cao trên 500 mW ERP, có hai khối riêng biệt được kết nối thông qua giao diện vô tuyến:</p>
			8523.52.00 8523.59.10	<p>- Thiết bị thu-phát vô tuyến, lưu trữ thông tin dưới dạng thẻ mang chip điện tử (RF tag), được gắn trên đối tượng cần nhận dạng, chỉ áp dụng đối với loại thẻ có nguồn điện.</p>
			8471.60.90	<p>- Thiết bị thu- phát vô tuyến (RF Reader) để kích hoạt thẻ vô tuyến và nhận thông tin của thẻ, chuyển tới hệ thống xử lý số liệu.</p>
2.10	Thiết bị âm thanh không dây	<p>QCVN 91:2015/BTTTT</p> <p>QCVN 130:2022/BTTTT^(*)</p>	8518.10.11 8518.10.19 8518.10.90	<p>Micro không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.</p>
			8518.21.10 8518.21.90 8518.22.10 8518.22.90	<p>Loa không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470.694 MHz và 1795 - 1800 MHz.</p>

			8518.29.20 8518.29.90	
			8518.30.10 8518.30.20	Tai nghe không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.
			8518.30.51 8518.30.59 8518.30.90	Micro/loa kết hợp không dây có dải tần hoạt động 40,66 - 40,7 MHz; 87 - 108 MHz; 182,025 - 182,975 MHz; 217,025 - 217,975 MHz; 218,025 - 218,475 MHz; 470 - 694 MHz và 1795 - 1800 MHz.
2, 11	Thiết bị truyền dữ liệu băng siêu rộng (UWB)	QCVN 47:2015/BTTTT ^(*) QCVN 94:2015/BTTTT ^(*)	8517.62.59	<p>Thiết bị sử dụng công nghệ băng thông siêu rộng (UWB) dùng để truyền thông tin cố định trong nhà hoặc di động và xách tay, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thiết bị vô tuyến độc lập có hoặc không có phần điều khiển kèm theo; - Các thiết bị vô tuyến cắm thêm (plug-in) dạng mô-đun được sử dụng để cắm vào các đối tượng thiết bị chủ khác nhau, như máy tính cá nhân, thiết bị đầu cuối cầm tay... ; - Các thiết bị vô tuyến cắm thêm được dùng trong thiết bị tổ hợp, ví dụ như các modem cáp, Set Top Box, điểm truy nhập; - Thiết bị tổ hợp hoặc tổ hợp của thiết bị vô tuyến cắm thêm và một thiết bị chủ cụ thể; - Thiết bị dùng trong các phương tiện đường bộ và đường sắt.